TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 01 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Cương.

2. Ông Quàng Văn Tiện.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Hà Văn Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 10/2021/TLST – HNGĐ, ngày 14/10/2021 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Chị Quàng Thị D. Sinh năm 1990.*

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2*. Bị đơn: Anh Quàng Văn H. Sinh năm 1985.*

Nơi ĐKHKTT: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vì Văn P1, sinh năm 1968. Trú tại: Bản P3, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Quàng Văn B1, sinh năm 1976. Trú tại: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La - Phòng giao dịch M có đại diện là Ông Nguyễn Thế C2 – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch M. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/10/2021 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/10/2021 nguyên đơn chị Quàng Thị D trình bày: Chị và anh Quàng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M vào năm 2010. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu và mỗi khi say rượu đều chửi bới và đánh đập chị, bên cạnh đó anh H còn sa vào tệ nạn sử dụng chất ma túy mặc dù đã được cai nghiện cắt cơn một lần vào tháng 1/2021 nhưng sau khi trở về anh H vẫn không có biểu hiện tốt, do vậy chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 01/2021 đến giờ. Quá trình sống ly thân chị thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục, cuộc sống gia đình không đảm bảo, chị thấy không còn tình cảm với anh H nữa, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Quàng Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 03 con chung là Quàng Văn M2 (sinh ngày 30/6/2010), Quàng Thị Thanh N2 (sinh ngày 23/7/2015), Quàng Thị Khánh N3 (sinh ngày 25/11/2016) nếu được ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi tất cả các con chung và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con cùng, tuy nhiên chị tôn trọng lựa chọn của các con nếu các con muốn được sống cùng bố hoặc mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Về tài sản chung: chị và anh H tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị cho rằng giữa chị và anh H không có khoản nợ chung nào nhưng tại phiên hòa giải chị có nhất trí với ý kiến của anh H về các khoản nợ chung như sau: Vay nợ ông Vì Văn P1 số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) từ năm 2014, với lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng; Vay nợ ông Quàng Văn B1 số tiền là 12.000.000đ nhưng đây là tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch Sông M do vay chung cùng ông B1, quá trình vay này do anh H đứng tên vay với Ngân hàng. Đối với số nợ chung này chị đề nghị chị và anh H mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

Ngày 24/12/2021 chị Quàng Thị D có đơn xin được miễn án phí với lý do là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và do bận công việc cùng tình hình dịch bệnh COVID 19 diễn biến phức tạp chị có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

- Bị đơn anh Quàng Văn H có trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2021 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/10/2021 như sau: về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn của vợ chồng anh H xác định đúng như chị D trình bày. Tuy nhiên, anh cho rằng bản thân anh không nghiện chất ma túy mà chỉ chơi bời, lý do chị D muốn ly hôn vì anh cho rằng là chị D ngoại tình, nhưng anh không đưa ra được các chứng cứ xác đáng chứng minh cho ý kiến của mình. Tuy vậy, anh không

nhất trí ly hôn, nếu muốn ly hôn thì chị D phải có trách nhiệm trả hết nợ chung của vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 03 con chung là Quàng Văn M2 (sinh ngày 30/6/2010), Quàng Thị Thanh N2 (sinh ngày 23/7/2015), Quàng Thị Khánh N3 (sinh ngày 25/11/2016) nếu được ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung là Quàng Văn M2 (sinh ngày 30/6/2010). Không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng và anh cũng không cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

Về tài sản chung: Anh và chị D tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Anh thống nhất với chị D về số nợ chung là nợ ông Vì Văn P1 số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) từ năm 2014, với lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng; Nợ ông Quàng Văn B1 số tiền là 12.000.000đ nhưng đây là tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M, do vay chung cùng ông B1, quá trình vay này do anh đứng tên vay với Ngân hàng. Đối với số nợ chung này anh đề nghị chị D phải có trách nhiệm thanh toán hết.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vì Văn P1 trình này tại bản tự khai đề ngày 14/10/2021: Ngày 12/11/2014 vợ chồng anh H chị D có đến vay ông số tiền là 5.000.000đ mục đích để chăn nuôi, khi vay có lập biên bản về việc vay tiền và anh H là người trực tiếp ký vào biên bản, trong biên bản cũng thỏa thuận lãi suất là 2%/ 1 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2015, tuy nhiên đến nay vợ chồng anh H chị D vẫn chưa trả cho ông cả tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận; Nay ông đề nghị anh H và chị D có trách nhiệm trả cho ông tiền vay gốc là 5.000.000đ và áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật để tính lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, không áp dụng lãi chậm trả. Ông nhất trí với kết quả của biên bản phiên hòa giải ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện sông Mã đối với vụ án này. Do bận công việc nên ông đã có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt đối với vụ án.

+ Ông Quàng Văn B1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2022 như sau: vào năm 2015 (không nhớ chính xác ngày, tháng) ông có vay của vợ chồng anh H, chị D số tiền là 6.000.000đ nhưng ông đã trả xong cho vợ chồng anh H, chị D cả gốc và lãi theo thỏa thuận. Ông khẳng định bản thân ông không nợ tiền vợ chồng anh H, chị D và vợ chồng anh H, chị D cũng không vay nợ ông khoản tiền nào cả. Ông có đề nghị được giải quyết, xét xử vắng mặt đối với vụ án.

+ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La, Phòng giao dịch M có văn bản thể hiện quan điểm như sau: Ngày 25/6/2021 anh Quàng Văn H có vay của Ngân hàng số tiền là 20.000.000đ, lãi suất 9%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là

ngày 11/6/2026, định kỳ trả nợ là 6 tháng một lần, mỗi lần trả nợ 2.000.000đ tiền gốc và lãi mục đích để xây bể nước và nhà vệ sinh của gia đình. Đối với khoản vay này tính đến hết ngày 01/12/2021 anh H và chị D vẫn còn nợ tiền vay gốc là 20.000.000đ, tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 11/11/2021 đã được anh H đã trả. Nay chị D và anh H xin ly hôn Ngân hàng đề nghị anh chị phải cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền đã vay trước khi giải quyết ly hôn, nếu không thanh toán xong trước khi ly hôn thì đề nghị mỗi người có trách nhiệm thanh toán ½ số tiền vay, bao gồm cả lãi và gốc phát sinh với thời gian và số tiền phải trả theo đợt như thỏa thuận đã ký kết theo hợp đồng tín dụng ngày 22/6/2021 giữa anh Quàng Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với chị D, anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Quàng Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Quàng Văn H. Giao cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung là Quàng Thị Thanh N2 (sinh ngày 23/7/2015), Quàng Thị Khánh N3 (sinh ngày 25/11/2016), giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Quàng Văn M2 (sinh ngày 30/6/2010), chị D và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

+ Về nợ chung: Buộc chị D và anh H cùng có trách nhiệm trả nợ chung như sau

Trả cho ông Vì Văn P1 số tiền vay gốc là 5.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất áp dụng là 20%/ năm, không áp dụng lãi suất quá hạn.

Trả cho Ngân hàng chính sách và xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ và lãi phát sinh theo đúng như thỏa thuận đã ký kết theo hợp đồng tín dụng ngày 22/6/2021 giữa anh Quàng Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M.

Đối với khoản nợ ông Quàng Văn B1 không xem xét trách nhiệm trả nợ do ông B1 xác định chị D và anh H không nợ ông và ông B1 không yêu cầu.

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Quàng Thị D được Tòa án thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Quàng Văn H, anh H đã có ý kiến về việc xin ly hôn của chị D, Tòa án đã tiến hành hòa giải đối với vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; Bên cạch đó, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng đều có ý kiến nhất trí với kết quả của phiên hòa giải, do vậy Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 209, 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Quàng Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt với các đương sự là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị D và anh Quàng Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M vào ngày 24/8/2015 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị D và anh H xuất phát từ tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và anh H có biểu hiện sa vào tệ nạn xã hội, có hành vi sử dụng trái phép ma túy, không tu chí làm ăn để xây dựng cuộc sống chung của vợ chồng và kinh tế gia đình, chị D đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ và anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay; Bản thân chị D vẫn cương quyết xin ly hôn và không muốn quay lại tiếp tục chung sống với anh H, anh H tuy không nhất trí ly hôn với chị D nhưng có yêu cầu nếu chị D trả hết số nợ chung thì anh sẽ nhất trí ly hôn, điều này cho thấy lý do không nhất trí ly hôn của anh H không phải vì còn tình cảm và muốn hàn gắn để xây dựng gia đình với chị D mà nhằm mục đích buộc chị D phải trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng, việc yêu cầu chị D phải trả nợ cho mình mới ly hôn là yêu cầu không hợp tình và không hợp pháp vì trả nợ chung của vợ chồng là trách nhiệm chung của cả vợ và

chồng, không được lấy yêu cầu bên còn lại phải trả toàn bộ số nợ chung là điều kiện để được ly hôn. Trong quá trình sống ly thân anh H cũng không có hành động nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc anh H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa là cố tình kéo dài thời gian, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn xin ly hôn của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh H để hai bên có cơ hội tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị D và anh H đều thừa nhận có 03 con chung là Quàng Văn M2 (sinh ngày 30/6/2010), Quàng Thị Thanh N2 (sinh ngày 23/7/2015), Quàng Thị Khánh N3 (sinh ngày 25/11/2016), chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng tuy nhiên chị vẫn tôn trọng nguyện vọng của các con nếu các con lựa chọn sống cùng bố hoặc mẹ; Anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Quàng Văn M2 (sinh ngày 30/6/2010), cháu M2 cũng có nguyện vọng được sống cùng anh H. Do vậy, cần giao con chung là Quàng Văn M2 cho anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao các con chung là Quàng Thị Thanh N2 (sinh ngày 23/7/2015) và Quàng Thị Khánh N3 (sinh ngày 25/11/2016) cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và nguyện vọng của các con chung. Do các đương sự không đề nghị bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con cùng nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết nên nên cần chấp nhận và không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Xác định trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh H có các khoản nợ chung và trách nhiệm trả nợ chung như sau: Chị D nhất trí có trách nhiệm trả ½ các khoản nợ chung; Tuy anh H không nhất trí trả nợ chung, nhưng xác định được đây là nợ chung của vợ chồng, quá trình vay tiền đều do anh H là người đứng tên và ký tên trên các hợp đồng vay tiền. Do vậy. cần buộc anh H phải có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ chung cùng chị D, cụ thể:

Đối với khoản nợ chung của ông Vì Văn P1: các bên đương sự đều thừa nhận có nợ ông P1 số tiền vay nợ gốc là 5.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 2%/ 1 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2015; Tuy nhiên, đến nay vợ chồng anh H chị D vẫn chưa trả cho ông cả tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận; Nay ông P1 đề nghị anh H và chị D có trách nhiệm trả cho ông tiền vay gốc là 5.000.000đ và áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật để tính lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Do vậy, số tiền anh H, chị D phải thanh toán cho ông P1 gồm: tiền gốc là 5.000.000đ và lãi là (20%/năm x 5.000.000đ x 7 năm) + (0,0574%/ngày x 27 ngày) = 7.077.490đ, như vậy tổng số

tiền nợ là 12.077.490đ. Buộc anh H và chị D có trách nhiệm thanh toán cho ông P1 mỗi người ½ tổng số tiền nợ.

Đối với khoản tiền nợ ông Quàng Văn B1: tuy chị D và anh H đều thừa nhận có vay ông B1 số tiền là 12.000.000đ nhưng ông B1 đã có ý kiến thể hiện rằng anh H và chị D không vay nợ ông, mà đây là khoản tiền khi anh H vay tiền của Ngân hàng chính sách tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M thì ông có vay lại của anh H và đã trả xong cho anh H. Như vậy, xác định anh H, chị D không vay nợ ông B1, mà xác định được anh H, chị D có vay nợ của Ngân hàng chính sách tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M số tiền vay gốc là 20.000.000đ do anh H là người đứng tên trên hợp đồng vay tiền, mục đích vay về làm công trình nước sạch và vệ sinh của gia đình, chị D cũng nhất trí đây là nợ chung của vợ chồng. Do vậy, buộc anh H và chị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M mỗi người ½ số tiền vay nợ gốc theo phương thức và thời gian cùng lãi phát sinh theo như thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng tín dụng ngày 22/6/2021 giữa anh Quàng Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M.

[5] Về án phí: Chị Quàng Thị D là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định chung. Anh Quàng Văn H phải chịu án phí chia nợ chung tương ứng với phần giá trị nợ phải thanh toán theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 35, 60, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, xin nuôi con chung của chị Quàng Thị D đối với anh Quàng Văn H.

- Xử cho chị Quàng Thị D được ly hôn anh Quàng Văn H.

- Giao các con chung là Quàng Thị Thanh N2 (sinh ngày 23/7/2015), Quàng Thị Khánh N3 (sinh ngày 25/11/2016) cho chị Quàng Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao con chung là Quàng Văn M2 (sinh ngày 30/6/2010) cho anh Quàng Văn H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Quàng Thị D, anh Quàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Chị D, anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về tài sản chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

3. Về nợ chung:

Buộc anh Quàng Văn H, chị Quàng Thị D có trách nhiệm thanh toán mỗi người ½ nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể:

3.1 Buộc anh Quàng Văn H có trách nhiệm thanh toán cho ông Vì Văn P1 số tiền vay nợ gốc là 2.500.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tương ứng với thời gian là 07 năm 0 tháng 27 ngày, mức lãi xuất được áp dụng là 20%/ năm, số tiền lãi là 3.538.745đ. Tổng số tiền anh H phải thanh toán cho ông P1 là 6.038.745đ (*Sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng*).

Buộc anh Quàng Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M số tiền vay gốc là 10.000.000đ và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* theo hợp đồng tín dụng ngày 22/6/2021 giữa anh Quàng Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M.

3.2 Buộc chị Quàng Thị D có trách nhiệm thanh toán cho ông Vì Văn P1 số tiền vay nợ gốc là 2.500.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tương ứng với thời gian là 07 năm 0 tháng 27 ngày, mức lãi xuất được áp dụng là 20%/ năm, số tiền lãi là 3.538.745đ. Tổng số tiền chị D phải thanh toán cho ông P1 là 6.038.745đ (*Sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng*).

Buộc chị Quàng Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M số tiền vay gốc là 10.000.000đ và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* theo hợp đồng tín dụng ngày 22/6/2021 giữa anh Quàng Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch M.

"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".

4. Về án phí: Chị Quàng Thị D được miễn án phí xin ly hôn và án phí trả nợ chung. Chị Quàng Thị D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000715 ngày 14/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

Anh Quàng Văn H phải nộp án phí trả nợ chung là 801.937đ *(Tám trăm linh một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).*

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Văn Cương **Quàng Văn Tiện** **Hoàng Thị Nhung**

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Khoong;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Nhung